

Những Nét Đặt Thù Của Nền Văn Hóa Trung Quốc

DIDEROT đã viết về người TRUNG HOA như sau: “Mọi người đều công nhận rằng dân tộc ấy thông minh hơn hết thấy những dân tộc khác ở Á Châu. Lịch sử họ cổ hơn, tinh thần, nghệ thuật tiến bộ hơn, họ minh triết hơn, thích triết lý, chính trị của họ hoàn hảo hơn, và vài tác giả còn bảo rằng về tất cả các phương diện ấy, họ không kém các xứ văn minh nhất của Châu Âu.

VOLTAIRE cũng bảo: “Chúng ta nhận thấy rằng quốc gia ấy tồn tại một cách rực rỡ từ trên bốn ngàn năm rồi mà luật pháp, phong tục, ngôn ngữ, cách ăn mặc vẫn không thay đổi bao nhiêu... Người TRUNG HOA hơn hẳn các dân tộc khác trong hoàn vũ khi người ta quan sát kỹ TRUNG QUỐC hơn thì lòng hâm mộ ấy vẫn không giảm, và một số nhà quan sát hiện đại còn tỏ vẻ khâm phục, tôn kính dân tộc đó nữa.

KEYSERLING nhận định rằng:

Chính ở TRUNG QUỐC thời thượng cổ người ta đã tạo ra được cái mẫu nhân loại thông thường hoàn toàn nhất... Trung Quốc đã tạo được một nền văn hóa cao nhất từ trước tới nay... Tôi càng ngày càng ngạc nhiên, cảm kích về sự cao quý của TRUNG QUỐC những danh nhân xứ đó có kiến thức, giáo dục hơn danh nhân của chúng ta rất nhiều... Giới trí thức TRUNG HOA thật là cực kỳ nhã nhặn lễ độ... không còn nghi ngờ gì nữa, họ hơn hết thấy các dân tộc khác về vấn đề hình thức, lễ nghi... Người Trung Hoa có lẽ là người thâm trầm nhất.

Phải chăng Diderot, Voltaire, Keyserling đã khâm phục, tôn kính các triết gia TRUNG HOA và hết lời ca ngợi văn minh TRUNG QUỐC, vì không đứng ở góc độ “hiện thực” và “nhân bản” mà chỉ **đọc lý thuyết triết học** do đầu óc của các triết gia, thuộc giới quý tộc Trung Quốc, **Nghĩ ra (xa rời thực tế)** để cứu đời (thực chất là kiếm chút chức tước)?

Trên thực tế từ Trần Thủy Hoàng, Lưu Bang v...v...đến Mao Trạch Đông, không một người nào **dùng tư tưởng** của các ông Thánh Trung Quốc (Khổng Tử, Mạnh Tử..)nghĩ ra, lo cho mọi người khắp nơi được yên ổn, mà tất cả đều **dùng chiến tranh** để thống nhất Trung Quốc và bạo lực với **chế độ quân chủ** độc tài chuyên chế tàn bạo vào việc trị nước, **lấy tư tưởng Khổng Mạnh** làm bình phong để củng cố ngai vàng. Tất cả các triều đại (Tần, Hán, Đường, Tống Nguyên, Minh, Thanh) đều áp dụng nguyên tắc “ngoại nho nội pháp” (miệng nói nhân nghĩa, thực tế dùng chính sách hà khắc tàn bạo) theo đúng chủ đạo văn hóa gốc du mục.

Phải chăng những quái tục bó chân người nữ, thiến người nam, “**thích đánh nhau, thích giết người, có khi chặt đầu cả chục ngàn người**” (Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, trang

28), coi dân như cỏ rác... **không tàn bạo bằng những cảnh bóc lột của chế độ nô lệ, nông nô và những tòa án dị giáo** (thiếu sống người) trong văn hóa Tây phương, nên các ông Diderot, Voltaire và Keyserling đã không tiếc lời ca tụng văn minh Tàu lên đến tận chín tầng mây ?

Phải chăng đó chỉ là những lời hay ý đẹp trên đầu môi chót lưỡi của những nhà du thuyết để thuyết phục các ông vua đầy tham vọng, muốn làm bá chủ thiên hạ?

Vị quân vương nào chấp nhận họ thì họ phục vụ. Hôm nay đi nước Tề, ngày mai đi nước Ngụy, họ đi rao bán những lý lẽ của họ, **ai chấp nhận thì họ bán cho người đó.**

“Thực tế cho thấy không chỉ có những nhà tung hoành, mà ngay đến KHỔNG TỬ cũng đi chu du một loạt nước để rao bán lý lẽ, giống như những **“quan chạy”** thời bấy giờ. Hay nói cách khác, trạng thái tâm lý kẻ dưới trướng của những người trí thức hiện nay đã bắt đầu từ KHỔNG TỬ. Ông ta đi chu du một loạt nước chẳng qua là **để chạy vạy, kiếm một chút chức tước.**

Ông ta nói **nhân nghĩa**, nhưng khi đã được làm quan rồi thì **cũng độc ác tàn nhẫn như thường**, làm được mấy ngày ĐẠI TỬ KHẤU thì giết chết luôn Thiếu Chính Mão. (Vương Sóc, Người đẹp tặng Ta thuốc bùa mê, NXB Văn Hóa Dân Tộc, năm 2001, trang 320).

Phải chăng nhờ rút được kinh nghiệm **đã bỏ vợ từ lúc 19 tuổi**, mà sau này KHỔNG TỬ đã lập thuyết Tam Tông Tứ Đức làm nền tảng cho gia đình TRUNG QUỐC?

Ông Bá Dương, một học giả TRUNG QUỐC (Nhà báo, Sĩ gia...) đã viết: có một nhân vật cổ quái còn nói một câu: **“Dân vi quý, Quân vi khinh”** (dân là Quý, Vua là thường). **Đấy chỉ là một lý tưởng TRUNG QUỐC chưa bao giờ thực hiện** (Bá Dương, Người TRUNG QUỐC, xấu Xí, NXB Văn Nghệ, năm 1999, trang 72).

“Nho giáo chấp nhận con người là **“chủ nhân”**, và coi **“vị nhân”** như là một nền đạo đức. Song tiếc thay, xã hội Nho giáo thống trị **lại vị vương, vị chúa và coi người dân như cây cỏ, công cụ, súc vật.** Trên thực tế, lịch sử xã hội Nho giáo **chưa bao giờ ghi lại sự kiện người dân làm chủ.** Ngược lại, chế độ quan liêu, hệ thống phong kiến, lối phân chia giai cấp sĩ, nông, công, thương, **sự việc thần thánh hóa vua chúa...** chứng minh một cách chua chát là quan niệm **nhân chi vị chủ cũng như chính sách thân dân** chỉ xuất hiện trong đầu óc của một số triết gia, hay trên miệng lưỡi của các nhà “nho gàn” mà thôi. (Trần Văn Đoàn, Việt triết luận tập Thượng Tập 1, trang 305)

Muốn biết sự dã man tàn bạo của người TRUNG QUỐC, nhất là giới lãnh đạo, đáng sợ như thế nào, chúng ta nên đọc lại lịch sử hình thành nước Trung Quốc với nền văn minh Hoàng Hà mang tính du mục, từ góc nhìn hiện thực và nhân bản.

Trong lịch sử (Trung Quốc) cái câu “Người ăn thịt lẫn nhau” không biết đã xuất hiện mấy chục lần hay mấy trăm lần. Nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta là một dân tộc có văn minh cao, sao lại có thể có cái hành vi dã man ấy ? (Bá Dương sđd, trang 91).

Tại sao trong văn hóa chúng ta lại có thể sinh ra một cái tập quán tàn khốc thế ? Lại có thể áp đặt nó lên trên một nửa dân số trong hàng nghìn năm, làm cho những người bị bức hại phải tàn phế cả hai chân, thậm chí có khi còn gãy cả xương, thối cả thịt không thể đi đứng được. Tại sao văn hóa TRUNG QUỐC lại có thể kéo dài cả hàng nghìn năm trong lịch sử **một yếu tố dã man như vậy** ? Tại sao lại cho phép trường tồn qua một thời gian dài như thế mà không có một người nào đứng lên bảo nó phản tự nhiên, hại sức khỏe ?

Còn nói đến việc bách hại nam nhi thì thế nào? Đó không phải chỉ riêng chuyện **các hoạn hoạn**. Theo sự ghi chép của lịch sử, từ các triều vua TỐNG trở về trước, các nhà có quyền và có tiền đều có thể tự do thiến các nô bộc của mình (Bá Dương, sđd, trang 67).

Sự kiện kinh rợn này, thiến các nam nhi để làm hoạn quan kéo dài cho đến cuộc cách mạng năm 1911 lật đổ nhà THANH.

“Chỉ căn cứ vào hai việc (bó chân phụ nữ, thiến người nam) trong biết bao nhiêu việc không hợp lý và vô nhân đạo của văn hóa TRUNG QUỐC suốt quá trình lịch sử của nước này, ta cũng có thể thấy những thành phần không hợp lý của nó, đã lên đến một mức độ không thể nào khống chế được (Bá Dương, sđd, trang 67).

Bó chân là tượng trưng cho việc phụ nữ bị giam cầm, bị áp chế... một sản vật dã man và phi lý tính... Tập tục tàn ác quái đản bó chân xem đàn bà là vật phụ thuộc thậm chí là đồ chơi của đàn ông (TRƯỜNG BÌNH TRỊ & DƯƠNG CẢNH LONG Người Trung Quốc Tự Trào, NXB Hà Nội Văn Học Hà Nội, năm 2002, trang 406, 408...)

Hủy hoại thân thể người khác, làm cho họ máu đổ, thịt rơi, xương gãy, tàn tật dị hình, suốt đời sống lệ thuộc, để thỏa mãn ý thích nhục dục của mình, **sao gọi là một nền văn hóa đã sản sinh ra các hiền triết thật sự có lòng nhân**.

TRUNG QUỐC có lịch sử 5.000 năm. Trong 5.000 năm ấy, **lực lượng phong kiến chà đạp lên phẩm giá, nhân tính con người không phải ngày càng giảm thiểu mà ngày một gia tăng** (Bá Dương, sđd, trang 85).

Phụ nữ bị mua bán như trâu ngựa. Ở xã hội phong kiến, gia trưởng là **người cai trị mọi thành viên trong gia đình**, có quyền vô hạn, cha có thể bán con, chồng bán vợ, ông bán con dâu, thậm chí anh cả bán em. Coi đàn bà con gái là hàng hóa... Thiếp có thể bán công khai. Các đời Đường, Tống, Minh, Thanh về mặt luật pháp có văn bản qui định về hôn nhân mua

bán, do đó có thể thấy hôn nhân mua bán đã tồn tại lâu đời trong lịch sử TRUNG QUỐC. (Trương Bình Trị, sđd, trang 307).

Người TRUNG QUỐC có câu ngôn ngữ: “Vợ mua về như con trâu ngựa, muốn cưới thì cưới, muốn đánh thì đánh”.

Phải chăng “tu thân”, “tề gia” là cha có thể bán con, chồng bán vợ, là trọng nam khinh nữ, là coi đàn bà (vợ) như kẻ nô lệ ?

Đến thế kỷ 19, người dân TRUNG QUỐC vẫn còn bị coi như kẻ **tôi mọi**. Yu Chunhe, một hoạn quan đời Hoàng Đế Giang Xu đã mô tả cảnh sống của dân TRUNG HOA ở vùng DONGPING như sau: Tất cả đều thuộc về lãnh chúa, đất đai, nhà cửa thú vật, và cả con người, những bóng ma bị trút hết mọi quyền kể cả quyền được sống, mà vận mệnh chỉ trong một từ “**tôi mọi**”. Mĩa mai đến cùng cực là họ hoàn toàn trần trụi đến mức không còn lấy một sợi dây để tự treo cổ mình. (DAN SHI, Hồi Ký của một người hoạn quan, Nguyễn Ngọc dịch, NXB Văn Hóa, 1999, trang 8).

Châu Quế một học giả Trung Hoa đã viết: **Bất cứ vào thời đại nào, làm người TRUNG QUỐC mãi mãi là một tai họa**. Từ 5.000 năm nay, người TRUNG QUỐC luôn luôn bị đẩy đọa trong đói khát, luôn luôn vật vờ trước cửa địa ngục, dở sống dở chết.

Trong Kỳ Đại Hội Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc lần thứ 8 tháng 5, năm 1958, MAO TRẠCH ĐÔNG đã nói: Tần Thủy Hoàng vị vua này chỉ chôn sống 460 người gọi là nhà NHO, còn chúng ta đã hạ hơn bốn vạn sáu ngàn bọ hủ nho trí thức phản cách mạng. Họ đã nguyện rửa ta là TẦN THỦY HOÀNG. Chưa đúng, ta còn bạo hơn TẦN THỦY HOÀNG gấp ngàn lần. Ta là người độc tài, ta nhìn nhận, nhưng rất tiếc họ đã bình phẩm ta chưa đúng và cũng chưa đủ vì có nhiều việc chúng ta cần phải bổ sung thêm cho đầy đủ hơn (Ngô Thiệu, Mao Trạch Đông, Thân Thế và Cuộc Đời Tình Ái, NXB Xuân Thu, 1999, trang 5).

Các ông Thánh TRUNG QUỐC nói rất nhiều về đức nhân, nhân trị, trọng hòa, thượng hòa... hòa nhi bất đồng, v.v... **nhưng thực chất là chiếm đoạt**, là đồng hóa, là diệt chủng các giống dân khác.

Ngày xưa KHỔNG TỬ chủ trương “**HÙNG HOA DIỆT DI**”, củng cố chế độ phong kiến Nhà CHU, gốc du mục.

Ông chủ trương tôn Chu, Ông bôn ba khắp nơi để thuyết phục các Chư hầu, trong đó có tộc Bách Việt theo văn hóa nhà Chu. Ông bảo rằng “như có người dùng ta, ta sẽ làm cho Đông Chu thịnh lên chẳng” ? (Dương Hóa).

Suốt đời KHỔNG TỬ chỉ mong nối được sự nghiệp của Chu Công. Ông ước ao điều đó lắm, đến nỗi nó ám ảnh ông, khiến ông nằm mộng thấy Chu Công: “Ta theo Chu” (Ngô Tùng Chu Thiêm Bách Dật, bài 14). Một hôm tự than rằng “quá lắm vậy”! Ta suy nhược rồi! Từ lâu, ta chẳng mộng thấy Chu Công (Luận ngữ, Thiêm thuật nhi).

Lối “nhân nghĩa”, “đạo đức”, “thuật nhi bất tác” của KHỔNG TỬ thực chất là **“HÙNG HOA DIỆT DI”**, là cố **uốn nắn các ưu điểm của nền văn hóa phương Nam với ý đồ phục vụ nhà Chu**, một thể chế mang tính du mục, là đồng hóa, là diệt chủng các giống dân phi Hoa. Cho nên KHỔNG TỬ đã khen ngợi Quản Trọng hết lời: “Cho đến nay dân chúng còn được hưởng ân đức của ông ấy. Không có Quản Trọng thì chúng ta (TRUNG QUỐC) phải gióc tóc và cái áo bên trái **trở thành người mọi rợ rồi**. (LUẬN NGỮ - HIẾN VẤN). Nói khác đi là đã bị Bách Việt hóa.

Với chủ trương dùng nhân nghĩa ở đầu môi chót lưỡi để thay cho việc binh đao. Cái đạo đức chuyên lấy của người - thuật nhi bất tác - rồi khéo léo uốn nắn theo nhu cầu của mình, đánh lừa thiên hạ với dã tâm đồng hóa các giống dân khác thành người Tàu. Đó là sách lược: **lùi không đánh, giả bộ lấy đạo đức của người mà đồng hóa người thành dân mình**. Đây là sách lược vô cùng thâm độc của họ Khổng. Do đó Mặc Tử mới đề xướng thuyết kiêm ái (thương yêu mọi người) để **chống lại lối giả nhân giả nghĩa của Khổng Tử**. Và Lão Tử chủ trương bình đẳng, tự do, sống hài hòa với tự nhiên **trở về với chất phác** là những giá trị đi ngược lại với chế độ **phong kiến nhà Chu**, gốc du mục, **kiến dựng trên quân quyền, phụ quyền và nam quyền**.

Chủ nghĩa bành trướng là nét đặc thù độc đáo nhất trong sự hình thành nước TRUNG HOA, cùng với cái bệnh gia truyền là **quyết tâm xóa sạch văn hóa Bách Việt một cách có hệ thống** từ QUẢN TRỌNG, KHỔNG TỬ cho đến TÔN DẬT TIÊN, TƯỚNG GIỚI THẠCH, MAO TRẠCH ĐÔNG và kéo dài cho đến ngày nay.

Thế hệ của GIANG TRẠCH DÂN và HỒ CẨM ĐÀO bây giờ cũng **không đi ra ngoài sự chỉ giáo của KHỔNG TỬ**: Phải hành động như QUẢN TRỌNG là phối hợp quân sự với văn hóa (bàn tay sắt bọc nhung) tiêu diệt văn hóa Bách Việt và đồng hóa các dân tộc phi Hoa trở thành người Tàu.

Sự hình thành nước TRUNG HOA gắn liền với **“tính hiếu chiến”** và **“chủ nghĩa bành trướng”** (Hội chứng Đại Hán). Cái nước mà ngày nay chúng ta gọi là TRUNG QUỐC được tạo dựng lên ở mạn trung lưu Hoàng Hà, và nền văn minh TRUNG QUỐC ban đầu là “nền văn minh Hoàng hà”, **với ranh giới khoảng ba tỉnh bây giờ: Sơn Tây** (quê hương của Đế Nghiêu) **Hà Nam** (quê hương Hạ Vũ, kinh đô của nhà Ân), **Thiểm Tây** với núi Kỳ, sông Vị (quê hương của nhà Chu).

Nhà Tây Chu, **thuộc bộ lạc du mục Tây Di**, sau khi cấu kết với tộc KHƯƠNG (Cổ Tây Tạng) đã diệt nhà Thương theo đúng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Theo Chu thư binh lính của nhà Thương bị giết nhiều đến nỗi “máu chảy thành suối làm trôi cả những chày giã gạo”. Khi thấy quân của Tây Chu tiến đến, binh lính vua TRỤ (nhà Thương) đã trở giáo giết nhau.

NHÀ CHU, triều đại cầm quyền lâu nhất ở TRUNG QUỐC (1122-221 trước Tây Lịch).

Sau khi diệt nhà Thương, nhà Chu đã thừa hưởng một di sản văn hóa lớn lao mang nhiều ảnh hưởng nông nghiệp Bách Việt. **Để củng cố tinh thần văn minh du mục** trên cơ sở nông nghiệp, Nhà Chu đã dần dần điều chỉnh từ thượng tầng xuống đến hạ tầng cấu trúc xã hội.

Dân tộc xâm lăng kết hôn với các dân tộc bị trị tạo nên nền văn minh đầu tiên có sử ở Đông Á.

Khoảng 300 năm sau (770 năm trước Tây lịch) Vua BÌNH VƯƠNG sợ rợ Tây-nhung, bèn dời đô sang Lạc Ấp, nay thuộc Lạc-dương tỉnh Hà Nam. Từ đó, sử gọi nhà Chu ở Lạc Ấp là ĐÔNG CHU. Và cũng bắt đầu từ đó, chư hầu nổi lên, người xưng Công, kẻ xưng Bá. Không năm nào không có chiến tranh. Theo Xuân Thu (Lỗ sử) trong 242 năm có 483 lần hành quân. Cửa nhà tan nát, con bỏ cha, vợ bỏ chồng. Trong thời gian chưa đầy hai thế kỷ có tới ba mươi sáu vụ giết Vua chiến tranh triền miên; dần dần người ta hóa ra thích đánh nhau. Giới quý tộc càng ngày càng thích giết người; có khi chặt đầu cả chục ngàn người.

Xã hội hỗn loạn. Khổ vì chiến tranh, dân đen lại khổ vì sự đàn áp, bóc lột của người có quyền thế; họ dùng uy quyền chiếm đất và chiếm cả người làm nô lệ. Họ không cày không cấy mà vẫn có lúa đầy vựa; dân đen thì đói khát. Người ta ngao ngán tiếc rằng đã lỡ sinh ra đời. Càng về cuối đời chiến quốc, tình cảnh càng bi đát. Ruộng đất bỏ hoang, có kẻ đói quá phải đổi con nhau để ăn thịt (dịch tử như thực) cho qua cơn đói.

Trong quá trình chuyển hóa từ văn minh du mục **sang du canh du cư**, rồi đến định canh định cư theo quy luật đào thải của sức mạnh cũng như nhu cầu bảo vệ hoặc lấn chiếm đất đai mùa màng; hàng ngàn bộ lạc nhỏ thời Tây Chu đã hợp lại thành khoảng 100 chư hầu vào thời ĐÔNG CHU. Rồi xuống còn 14 nước vào thời Xuân Thu (722-481 trước Tây lịch). Trong số này chỉ có 5 nước hùng cường được gọi là NGŨ BÁ thay nhau kế tục làm minh chủ: TỀ, TÂN, TỐNG, TẤN và SỞ.

Quản Trọng có tài siêu việt, đánh chiếm đất đai (bình thiên hạ!) của **các nhóm Bách Việt ở phía Nam và Đông Nam sông Hoàng Hà, Khiến nước Tề** đang hỗn loạn trở nên bình trị phú cường. Vua nước Tề là Hoàn Công trở nên **vị bá chủ số một của thời Đông Chu** (thời Xuân Thu 722-481 trước Tây lịch) củng cố ngôi thiên tử nhà Chu.

Quản Trọng **phối hợp quân sự với văn hóa** chiếm đất đai và đồng hóa người Bách Việt trở thành người Tàu, **nên được KHỔNG TỬ** hết lời ca tụng.

QUẢN TRỌNG - làm tướng Quốc của Tề Hoàn Công trong 40 năm (684-664 trước Tây lịch) sống trước KHỔNG TỬ gần hai trăm năm.

Đọc lịch sử Trung Quốc, người Việt chúng ta cần lưu ý **sự việc QUẢN TRỌNG** bình thiên hạ, tức đàn áp **đẹp yên (!) các tộc Bách Việt** để Tề Hoàn Công xưng bá vào đầu thời Xuân Thu. Và Khổng Tử là một trong những trí giả gốc du mục nhận thức được “hiểm họa” văn hóa du mục bị thuần hóa bởi nền văn hóa trồng lúa nước phía Nam sông DƯƠNG TỬ. KHỔNG TỬ đã cố uốn nắn các ưu điểm của nền văn hóa phương Nam với ý đồ **phục vụ nhà Chu**, một thể chế phong kiến, mang tính du mục.

Cuối đời Xuân Thu có thêm hai nước hùng mạnh nữa là NGÔ và VIỆT ở Đông Nam. Bước sang thời chiến quốc (403-221 trước Tây lịch) thì có thất hùng: Tề, Hán, Ngụy, Triệu, Tần, Sở và Yên những nước này gây hấn, đánh nhau liên miên.

Năm 221 trước Tây lịch, nhà Tần diệt nhà Chu, chấm dứt 500 năm loạn lạc.

Sau khi diệt ĐÔNG CHU, TẦN THỦY HOÀNG đã thôn tính các chư hầu, trở thành vị Hoàng đế thống nhất TRUNG QUỐC đầu tiên trong lịch sử Tàu. Ông Vua “đốt sách chôn học trò” cổ Kim chỉ đứng sau MAO TRẠCH ĐÔNG.

Sau khi thống nhất TRUNG QUỐC, Vua sai Đổ Thư đánh lấy đất Bách Việt: Chiết Giang, Phúc Kiến, Giang Tây, Quảng Đông, Quảng Tây.

Vì áp dụng đường lối pháp gia vào việc trị nước quá hà khắc nên chỉ cai trị được 15 năm thì mất vào tay nhà Hán. **Trong thời gian ngắn ngủi** như vậy mà nhà Tần cũng đã **bành trướng lãnh thổ** từ Nam Mông Cổ xuống đến tận Lương Quảng.

Tình trạng khống chế của du mục Bắc phương trong việc lãnh đạo nước Tàu biểu hiện rõ rệt qua lịch sử. Theo Lâm Ngữ Đường: Trong đám bè lũ cướp ngai vàng kiến lập các triều đại TRUNG HOA, không có một ai xuất thân từ Nam DƯƠNG TỬ. Truyền thống đã định rằng **không có gã miền Nam ăn cơm nào có thể leo lên ngai rồng**, chỉ có người Bắc ăn mì mới có thể làm được chuyện đó.

Như vậy, ngày xưa người TRUNG QUỐC thể hiện “**tu, tề, trị, bình**” với tinh thần “**hòa nhi bất đồng**”, tính hiếu hòa, tính ưa hòa bình (chữ của Lâm Ngữ Đường) và thể hiện **dân tộc thượng hòa** (coi trọng hòa) cùng năng lực thượng hòa (chữ của triết gia TRẦN CHÍ LƯƠNG) bằng cách **hòa hết đất đai của Bách Việt** từ phía Nam sông Hoàng Hà đến Quảng Đông, Quảng Tây; và Hán Hóa các sắc dân phía Nam sông Dương Tử, trong đó có tộc Bách Việt trở thành người TRUNG QUỐC.

Ngày nay, họ đang vận dụng “năng lực thượng hòa” với tính hiếu hòa và tính ưa hòa bình ở **Tây Tạng**.

Người TRUNG QUỐC “**coi trọng hòa**”, “**hiếu hòa**” đến nỗi ông ĐẠT LAI LẠT MA (PHẬT SỐNG) phải phát biểu ý kiến: **họ đang có một nỗ lực đầy tính toán nham hiểm nhằm thủ tiêu nền văn hóa chúng tôi**, cho dù có chủ mưu hay không, sự xâm lăng của thực dân TRUNG CỘNG là nguyên nhân chính gây ra nạn diệt chủng nền văn hóa Tây Tạng.

Người TRUNG QUỐC đang thể hiện tinh thần “thượng hòa” (coi trọng hòa) với dân tộc Việt Nam ở biển Đông: dùng mọi thủ đoạn để chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa để khống chế biển Đông, cửa ngõ vào khu vực Thái Bình Dương. Họ cũng đang thể hiện **tính hiếu hòa** và vận dụng “**năng lực thượng hòa**” để “**kết nhiều quả ngọt**” trong thế kỷ 21 (chữ của TRẦN CHÍ LƯƠNG) ở biên giới VIỆT-TRUNG. và vùng ĐÔNG NAM Á. TRUNG QUỐC đang cố gắng trở thành cường quốc về kinh tế và quân sự để khống chế khu vực Thái Bình Dương, đuổi Mỹ trở lại Hawaii.

Trung Quốc còn có tham vọng lãnh đạo thế giới về mặt tư tưởng. Tập đoàn Hồ Cẩm Đào đang tìm cách phục hoạt tư tưởng của KHỔNG TỬ để làm “nhạc trưởng” điều hợp ban nhạc **triết học ĐÔNG TÂY**. Đó cũng là ý kiến của các triết gia tại hội nghị triết học thế giới lần thứ nhất năm 1949 tại Honolulu.

Sở dĩ trên đây chúng tôi phải dài dòng trích dẫn những học giả, sử gia Tây phương cũng như Trung Quốc chỉ nhằm mục đích minh xác:

1. Từ xa xưa, hơn hai ngàn năm qua cũng như hiện nay TRUNG QUỐC chưa bao giờ từ bỏ tham vọng đánh chiếm Việt Nam để làm bàn đạp tiến xuống Đông Nam Á trong sách lược của chủ nghĩa bành trướng (Hội chứng Đại Hán).

“Thuật nhi bất tác” thực chất chỉ là mưu lược (âm mưu) che dấu ý đồ “**HÙNG HOA DIỆT DI**” (Bách Việt) để phục hoạt thể chế nhà Chu, một thể chế phong kiến mang tính du mục Nhà Tần cũng theo hướng du mục chuyên chế tàn bạo, **áp dụng đường lối pháp gia** vào việc trị nước, quá hà khắc, nên chỉ cai trị được 15 năm thì mất vào tay nhà Hán.

Từ thời Hán trở đi, qua bài học nhà Tần, các triều đại đều bỏ pháp dùng Nho vào việc trị nước. Nhưng trên thực tế, họ áp dụng nguyên tắc “**ngoại Nho nội Pháp**” theo đúng chủ đạo văn hóa du mục.

Thực tế đã dạy cho 95% nông dân Việt Nam không bao giờ tin những gì các ông Thánh Trung Quốc nói về đức nhân, nhân ái, hiếu hòa, trọng hòa, thượng hòa, hòa nhi bất đồng, v.v... Họ chỉ nhìn cách hành xử của người TRUNG QUỐC từ ngàn xưa đến nay để đối phó.

Thực ra họ đâu có biết chữ Nho (Hán) để đọc Tứ-Thư Ngũ-Kinh. Cho nên họ không bị ảnh hưởng những tư tưởng cao đẹp **“trên miệng lưỡi của các nhà Nho gàn”** (chữ của Giáo sư Triết Học TRẦN VĂN ĐÀM).

Người Việt Nam không thể nào quên được cái hiểm họa triền miên có tính cách lịch sử, lúc âm ỉ, khi bộc phát, lúc nào cũng treo trên đầu dân tộc ta: đó là tham vọng bành trướng mãnh liệt của TRUNG QUỐC về phương Nam. Tham vọng của dân tộc Hoa Hạ gốc du mục mà ngày nay chúng ta gọi là TRUNG QUỐC, từ lâu đã trở thành quốc sách. Dù TRUNG QUỐC với chế độ quân chủ chuyên chế, hay Cộng Sản độc tài hoặc dân chủ tư bản, mưu đồ Nam tiến vẫn được liên tục duy trì. Tuy chiến lược, chiến thuật có thay đổi mỗi thời mỗi khác.

Người Việt Nam - nhất là giới khoa bảng - cần thận trọng, nếu chỉ thấy cái ưu việt của người mà không thấy được cái hay, cái đẹp của mình thì dễ sinh ra tẻ trạng nô lệ tư tưởng. **Nô lệ tư tưởng là nô lệ từ trong tim óc.** Từ đó phát sinh ra tinh thần vọng ngoại, sợ ngoại, trọng ngoại và ỷ ngoại để rồi giao sinh mệnh của dân tộc và đất nước mình cho ngoại bang.

Người Việt Nam, nếu không sáng suốt trong suy nghĩ, trong hành động trong cách học về Trung Quốc học, vô tình chúng ta sẽ trở thành đoàn quân tuyên truyền cho TRUNG QUỐC trong sách lược Hán hóa dân tộc Việt để làm bàn đạp tiến xuống ĐÔNG NAM Á, ngõ hầu khống chế khu vực Thái Bình Dương, đuổi Mỹ ra khỏi Á châu.

Tham vọng thôn tính Việt Nam để làm bàn đạp tiến xuống Đông Nam Á sẽ thất bại vì dân tộc Việt Nam có chính nghĩa trước cộng đồng quốc tế, trong cuộc chiến giữa xâm lăng (TRUNG HOA đỏ) và chống xâm lăng (dân tộc Việt Nam).

Lịch sử đã minh chứng từ NGÔ QUYÊN (sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938) đến Nguyễn Huệ, phong kiến Trung Quốc thuộc các triều đại lớn TỐNG, NGUYỄN, MINH, THANH đều có tham vọng quyết tâm chiếm Việt Nam, và không trừ lần nào, trong bảy lần, quân xâm lược phương Bắc đều bị dân tộc Việt đánh bại hoàn toàn: Việt Nam bảy lần đại thắng quân xâm lăng Tàu (TỐNG (hai lần), NGUYỄN (ba lần), MINH (một lần), THANH (một lần)).

Tinh thần **dân chủ đại đoàn kết** của Hội Nghị Diên Hồng bất diệt.

Tinh thần **bất khuất chống ngoại xâm**, xả thân cứu nước, quyết tâm bảo vệ giống nòi của Thánh Gióng bất diệt.

Cao Hoài Đức

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org